

HIỆU QUẢ CỦA BỘ ĐUÔI KÌM PHÒNG CHỐNG SÂU ĐỤC THÂN BỐN VẠCH ĐẦU NÂU HẠI MÍA

Đỗ Đức Hạnh¹, Dương Công Thống¹, Mai Văn Quân², Trịnh Xuân Hoạt²,
Nguyễn Văn Liêm², Đỗ Văn Tường¹, Nguyễn Thị Tân¹, Trần Văn Sơn¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu hiệu quả của bộ đuôi kim (*Euborellia annulipes* Lucas) phòng chống sâu 4 vạch đầu nâu (*Chilo tumidicostalis* Hamsonp) tại Viện Nghiên cứu Mía đường và vùng mía nguyên liệu huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh từ tháng 1 đến tháng 12/2017. Kết quả cho thấy, trung bình mỗi ngày 1 bộ đuôi kim trưởng thành có thể ăn 11,05 sâu non tuổi 1 của loài sâu đục thân 4 vạch đầu nâu. Mật độ bộ đuôi kim trên ruộng mía tại Tây Ninh biến động từ 3,6 - 18,9 con/100 m², đạt mức bình quân 10,6 con/100 m². Mật độ bộ đuôi kim tăng từ tháng 1 đến tháng 3, sau đó giảm dần và giảm mạnh ở tháng 7, 8, sau đó tăng ở tháng 11, 12. Lô ruộng mía gốc không đốt lá sau thu hoạch có mật độ đuôi kim cao hơn hẳn so với ruộng mía tơi và mía gốc đốt lá sau thu hoạch (19,5 so với 5,3 và 6,9 con/100 m² tương ứng). Công thức thả bộ đuôi kim làm giảm từ 0,17 - 0,32% chỉ số hại do sâu đục thân 4 vạch đầu nâu gây ra và đồng thời làm tăng năng suất quy 10 CCS tương ứng 8,41% so với công thức đối chứng.

Từ khóa: Cây mía, bộ đuôi kim, sâu đục thân 4 vạch đầu nâu

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sâu đục thân 4 vạch đầu nâu có tên khoa học là *Chilo tumidicostalis* Hamsonp, thuộc họ ngài sáng (Pyralidae), thuộc bộ cánh vẩy (Lepidoptera). Loài sâu này gây hại khá phổ biến ở các nước Bangladesh, Myanmar, Ấn Độ, Nepal, Thailand, Australia (Bleszynski, 1970; Miah *et al.*, 1983; David & Aswaramoorthy, 1990; Suasa-ard, 2000). Tại Việt Nam, sâu đục thân mía bốn vạch đầu nâu là loài mới lần đầu tiên được phát hiện tại vùng trồng mía ở huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh năm 2014 (với 6,300 ha bị gây hại, trong đó có khoảng 500 ha bị gây hại nghiêm trọng từ 30 - 70%). Khi cây mía bị hại, ngọn mía bị héo và chết khô rất nhanh. Sâu có khả năng phát sinh nhanh và gây hại tập thể ở hầu hết các giai đoạn sinh trưởng của cây mía. Đặc biệt, sâu gây hại nặng ở các vùng đất thịt nặng, có mưa nhiều ẩm độ cao và giai đoạn dễ mắc cảm nhất là mía cuối vươn lóng và trước thu hoạch. Nếu không kiểm soát được sự lan truyền của chúng thì có thể gây nên thiệt hại lớn về năng suất và hàm lượng đường trong cây mía. Hiện nay các biện pháp riêng lẻ phòng chống sâu đục thân mía 4 vạch đầu nâu đang gặp nhiều khó khăn, vì cây mía là cây lưu gốc nhiều năm, bộ giống mía trên đồng khá phong phú, địa hình trồng mía đa dạng, sinh khối cây mía lớn, sâu ẩn nấp trong thân cây nên việc phòng chống hiệu quả không cao. Do vậy, việc quản lý tổng hợp IPM đối với sâu đục thân 4 vạch đầu nâu là hết sức cần thiết để bảo vệ và sử dụng các loài thiên địch của sâu hại, nhằm khống chế quần thể sâu hại phát triển dưới ngưỡng gây hại kinh tế, bảo vệ cây trồng. Qua nhiều năm, Viện Nghiên cứu Mía đường đã điều tra,

thu thập được 37 loài ký sinh, bắt mỗi trên cây mía ở vùng Đông Nam bộ. Ngoài những loài như ong mắt đỏ màu vàng *Trichogramma chilonis*, ong đen ký sinh trứng *Telenomus beneficien*, ong kén trắng *Cotesia flavipes* thì loài bộ đuôi kim *Euborellia annulipes* là loài ăn thịt bắt gặp nhiều nhất, đây là một trong những loài thiên địch quan trọng góp phần kiểm soát tốt các loài sâu đục thân gây hại trên ruộng mía (Đỗ Ngọc Diệp, 2002; Cao Anh Dương, 2004). Xuất phát từ thực tế trên, thí nghiệm “Đánh giá hiệu quả của bộ đuôi kim *Euborellia annulipes* Lucas phòng chống sâu đục thân 4 vạch đầu nâu *Chilo tumidicostalis* Hamsonp hại mía tại Tây Ninh” được thực hiện.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống mía KK3 có nguồn gốc từ Thái Lan, đã được công nhận giống cho sản xuất thử tại các vùng Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nam bộ theo Quyết định số 135/QĐ-BNN-TT ngày 12/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hiện đang được trồng phổ biến tại vùng mía Đông Nam bộ.

- Sâu non sâu đục thân 4 vạch đầu nâu *Chilo tumidicostalis*, bộ đuôi kim trưởng thành *Euborellia annulipes*

- Hộp nhựa nuôi sâu, ống nghiệm, kính lúp tay, chổi lông, dao, kéo.

2.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Nội dung nghiên cứu

- Nhân nuôi và đánh giá khả năng ăn mỗi của bộ đuôi kim trong điều kiện phòng thí nghiệm.

¹ Viện Nghiên cứu Mía đường; ² Viện Bảo vệ thực vật

- Điều tra sự biến động của bọ đuôi kim trên đồng ruộng.

- Thử nghiệm đánh giá hiệu quả kỹ thuật của việc thả bổ sung bọ đuôi kim *Euborelia annulipes* Lucas ngoài đồng.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

a) Nhân nuôi và đánh giá khả năng ăn mồi của bọ đuôi kim trong điều kiện phòng thí nghiệm

Bọ đuôi kim được nuôi theo quy trình hiện hành của Bộ môn Bảo vệ thực vật - Viện Nghiên cứu Mía đường. Bọ đuôi kim được thu thập từ đồng ruộng, nuôi giữ trong các hộp nhựa, bổ sung thức ăn là sâu đục thân hại mía, sâu gạo và thay thế nguồn sâu đục thân bằng thức ăn cám mè để sử dụng cho thí nghiệm. Theo dõi khả năng ăn mồi của bọ đuôi kim được thực hiện đối với pha trưởng thành, sau khi bỏ đói bọ trong 24 giờ trong điều kiện phòng thí nghiệm. Thức ăn dùng cho bọ đuôi kim trong thí nghiệm này là ấu trùng tuổi 1 của sâu đục thân mía 4 vạch đầu nâu. Thí nghiệm thực hiện với

30 cá thể bọ đuôi kim trưởng thành, mỗi cá thể được nuôi trong hộp nhựa (kích thước 21 × 17 × 8 cm). Đảm bảo nguồn thức ăn cho bọ đuôi kim luôn đầy đủ. Theo dõi, ghi nhận kết quả thí nghiệm khả năng ăn mồi hàng ngày của bọ đuôi kim đen *Euborelia annulipes* liên tục trong 5 ngày. Chỉ tiêu theo dõi là khả năng ăn sâu đục thân 4 vạch đầu nâu của bọ đuôi kim/ngày.

b) Điều tra sự biến động của bọ đuôi kim trên đồng ruộng

Sự biến động của bọ đuôi kim được điều tra định kỳ mỗi tháng một lần trên cả ruộng mía tơ và mía gốc Đông Xuân, mỗi vụ điều tra, ghi nhận trên 3 ruộng trồng giống mía KK3 với diện tích > 1,0 ha. Trên mỗi ruộng, tiến hành điều tra theo phương pháp 5 điểm chéo góc, không cố định điểm, tịnh tiến không lặp lại, mỗi điểm điều tra 12 m², bóc lá khô lá già và vén lá dưới gốc để đếm thu bắt bọ đuôi kim. Chỉ tiêu theo dõi là mật độ bọ đuôi kim con/100 m² (Cao Anh Dương, 2004).

$$\text{Mật độ bọ đuôi kim (con/100 m}^2\text{)} = \frac{\text{Tổng số bọ đuôi kim (con)}}{\text{Diện tích điều tra (m}^2\text{)}} \times 100$$

c) Thử nghiệm đánh giá hiệu quả kỹ thuật của việc thả bổ sung bọ đuôi kim *Euborelia annulipes* Lucas ngoài đồng

Thử nghiệm được bố trí diện rộng không lặp lại, gồm 2 công thức (CT), mỗi công thức 0,5 ha. CT1: Thả 3.000 con bọ đuôi kim/ha, thả duy nhất 1 lần khi mía được 5 tháng tuổi; CT2 (đ/c): Không thả bọ đuôi kim.

- Phương pháp điều tra và đánh giá sâu đục

thân mía thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN-01-38-2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2010). Tiến hành điều tra 5 điểm trên 2 đường chéo góc/công thức, mỗi điểm điều tra là 12 m². Theo dõi các chỉ tiêu: Tỷ lệ cây, lóng bị hại do sâu 4 vạch đầu nâu gây ra, ở các thời điểm 4 và 6 tháng sau thả bọ đuôi kim; năng suất và chất lượng mía.

$$\text{Tỷ lệ cây, lóng bị hại (\%)} = \frac{\text{Tổng số cây, lóng bị sâu hại}}{\text{Tổng số cây, lóng điều tra}} \times 100$$

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được thu thập và xử lý trên phần mềm Excel và phân tích thống kê T-TEST trên phần mềm MSTATC.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2017 tại Phòng Thí nghiệm côn trùng - Viện Nghiên cứu Mía đường tại Bến Cát, Bình Dương và vùng mía nguyên liệu huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nhân nuôi và đánh giá khả năng ăn mồi của bọ đuôi kim trong điều kiện phòng thí nghiệm

Sau khi bị bỏ đói 1 ngày, loài bọ đuôi kim đen ăn từ 10 - 19 con sâu 4 vạch đầu nâu tuổi 1 trong ngày thứ 1 và ở mức bình quân trên 30 cá thể thí nghiệm là 16,10 con/ngày, những ngày sau đó mức độ ăn giảm dần xuống và 5 ngày sau thí nghiệm bọ đuôi kim đen chỉ ăn ở mức trung bình 7,17 con/ngày. Như vậy, qua số liệu cho thấy cứ một cá thể bọ đuôi kim trưởng thành màu đen trung bình mỗi ngày có thể ăn 11,05 ấu trùng tuổi 1 của sâu đục thân 4 vạch đầu nâu.

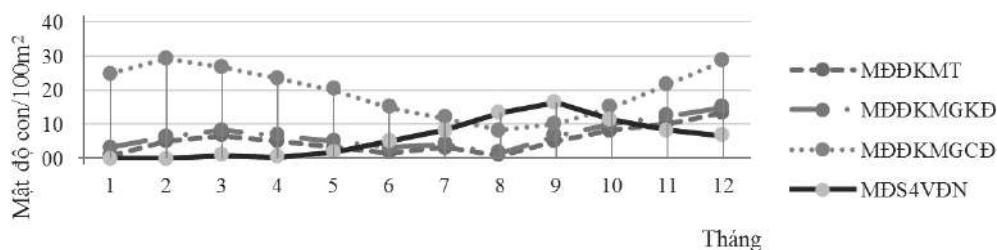
Bảng 1. Khả năng ăn thịt của một con bọ đuôi kìm đối với sâu đục thân 4 vạch đầu nâu tuổi 1 tại phòng thí nghiệm

Đợt thí nghiệm	Sức tiêu thụ con mỗi của bọ đuôi kìm (con/ngày)				
	1	2	3	4	5
1	14,93	13,87	9,80	8,27	7,93
2	17,27	11,93	10,80	9,27	6,40
TB	16,10	12,90	10,30	8,77	7,17

3.2. Điều tra sự biến động của bọ đuôi kìm trên đồng ruộng

Kết quả hình 1 cho thấy, mật độ bọ đuôi kìm màu đen *Euborellia annulipes* trên ruộng mía tơ Đông Xuân và mía gốc Đông Xuân có đốt lá sau thu hoạch qua các tháng luôn thấp hơn ruộng mía gốc Đông Xuân không đốt lá sau thu hoạch (mật độ con/100 m² trung bình tháng tương ứng 5,3 và 6,9 con so với 19,5 con). Biến động mật độ đuôi kìm trên mía

tơ và ruộng mía gốc có đốt lá từ 0,8 - 13,3 con/100 m² và 1,7 - 15,0 con/100 m². Mật độ thấp ở tháng 1 và tăng lên đến tháng 3 và có xu hướng giảm dần xuống tháng 7, 8 sau đó tăng lại mạnh lên ở tháng 11, 12 (mía giai đoạn thu hoạch). Trong khi ở lô ruộng mía gốc không đốt lá mật độ đuôi kìm ở mức cao ở tháng 1 đến tháng 3 và có xu hướng giảm dần đến tháng 8, sau đó tăng dần đến tháng 11, 12 (mía giai đoạn thu hoạch). Thời điểm mật độ bọ đuôi kìm thấp nhất tháng 6 đến tháng 9 trùng vào các tháng có lượng mưa lớn, ẩm độ không khí cao, điều này cho thấy biến động mật độ bọ đuôi kìm phụ thuộc rất nhiều vào lượng mưa, ẩm độ. Bên cạnh đó, loại mía và điều kiện canh tác cũng ảnh hưởng rất lớn đến mật độ và biến động mật độ bọ đuôi kìm trên các ruộng mía. Kết quả điều tra biến động bọ đuôi kìm vụ mía Đông Xuân năm 2017 cũng khá tương đồng với kết quả nghiên cứu điều tra vụ mía Đông Xuân qua các tháng từ 2001 - 2003 của Cao Anh Dương tại vùng Đông Nam bộ (Cao Anh Dương, 2004).



Hình 1. Đồ thị biến động mật độ bọ đuôi kìm *Euborellia annulipes* trên các vụ mía và mật trung bình của sâu 4 vạch đầu nâu tại Châu Thành Tây Ninh (2017)

Ghi chú: MĐĐKMT: Mật độ bọ đuôi kìm mía tơ; MĐĐKMGKD: mật độ bọ đuôi kìm mía gốc không đốt lá; MĐĐKMGCD: mật độ bọ đuôi kìm mía gốc có đốt lá; MĐS4VDN: mật độ sâu bốn vạch đầu nâu.

Qua hình 1, dễ dàng nhận thấy lợi ích của việc giữ nguyên lá sau thu hoạch, vừa đảm bảo ẩm độ cho ruộng mía vào mùa khô vừa làm nơi trú ẩn cho các loài thiên địch có ích bao gồm bọ đuôi kìm đen. Những tác động của thời tiết được thể hiện rõ rệt thông qua sự thay đổi ẩm độ. Vào mùa mưa, khi ẩm độ không khí tăng cao, mật độ bọ đuôi kìm trên đồng ruộng sụt giảm, nhưng đồng thời với đó là sự tăng nhanh mật độ của sâu đục thân 4 vạch đầu nâu trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 9. Chính vì sự biến động này, để kiểm soát tốt sâu đục thân 4 vạch đầu nâu bằng thiên địch, việc thả bổ sung bọ đuôi kìm trong giai đoạn cuối tháng 4 đầu tháng 5 ngay

khi có sự xuất hiện của loài sâu đục thân này là rất cần thiết.

3.3. Thử nghiệm đánh giá hiệu quả kỹ thuật của việc thả bổ sung bọ đuôi kìm *Euborellia annulipes* Lucas ngoài đồng

Kết quả bảng 3 cho thấy: Hiệu quả của việc thả bọ đuôi kìm *Euborellia annulipes* đều làm giảm sự thiệt hại do sâu đục thân 4 vạch đầu nâu gây ra. Trong đó, tại thời điểm 4 và 6 tháng sau khi thả bọ đuôi kìm tỷ lệ thiệt hại do sâu đục thân 4 vạch đầu nâu giảm từ 3,06 - 3,26% về cây bị hại; lóng bị hại giảm từ 1,57 - 2,52% và chỉ số hại giảm từ 0,17 - 0,32% so với đối chứng không thả bổ sung.

Bảng 2. Ảnh hưởng của việc thả bọ đuôi kìm *Euborellia annulipes* Lucas đến tỷ lệ cây, lóng bị hại và chỉ số hại thời điểm tháng sau thả (%)

Công thức	Tỷ lệ cây bị hại		Tỷ lệ lóng bị hại		Chỉ số hại	
	4 tháng	6 tháng	4 tháng	6 tháng	4 tháng	6 tháng
Thả bọ đuôi kìm	4,01	6,06	1,64	2,99	0,07	0,18
Không thả đuôi kìm	7,27	9,12	3,21	5,51	0,24	0,50

Qua đó cho thấy, để phòng chống sâu đục thân 4 vạch đầu nâu, ngoài những yếu tố như bảo vệ nguồn thiên địch trong tự nhiên, chúng ta cần chú ý thả bổ sung các loài thiên địch để ký sinh, bắt mồi. Trong đó, thả bổ sung loài bọ đuôi kim đen diệt trừ sâu đục thân 4 vạch đầu nâu mang lại hiệu quả phòng trừ khá tốt, an toàn với con người và đảm bảo được môi trường sinh thái điều này sẽ góp phần giúp canh tác mía bền vững hơn.

Bảng 3. Ảnh hưởng của việc thả bọ đuôi kim *Euborellia annulipes* đến năng suất và chất lượng mía

Công thức	Năng suất thực thu (tấn/ha)	Chất lượng mía (CCS)	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)
Thả bọ đuôi kim	97,38	11,26	109,65
Không thả bọ đuôi kim	90,55	11,17	101,14

Năng suất thực thu trên công thức có thả bọ đuôi kim đạt 97,38 tấn/ha, tăng 6,83 tấn/ha, tuy nhiên, chỉ đường ở công thức này cao hơn không đáng kể so với đối chứng (11,26 CCS so với 11,17 CCS). Năng suất quy 10 CCS ở công thức có thả bổ sung bọ đuôi kim tăng so với công thức không thả bổ sung bọ đuôi kim là 8,51 tấn/ha. Điều này cho thấy, biện pháp dùng bọ đuôi kim để phòng chống sâu đục thân 4 vạch đầu nâu có khả năng làm giảm chỉ số hại rõ rệt và làm tăng năng suất mía tại Tây Ninh.

IV. KẾT LUẬN

4.1. Kết luận

- Một cá thể trưởng thành bọ đuôi kim màu đen *Euborellia annulipes* có thể ăn trung bình 11,05 sâu non sâu đục thân 4 vạch đầu nâu tuổi 1 trên một ngày.

- Biến động mật độ bọ đuôi kim đen *Euborellia annulipes* trên đồng ruộng tăng ở tháng 1 - 3, sau đó có chiều hướng giảm dần cho đến tháng 7, 8 và tăng dần ở các tháng 11, 12 lúc mía trước thu hoạch. Mật độ bọ đuôi kim ở ruộng mía gốc không đốt lá cao hơn rõ rệt so với mía tơ và mía gốc có đốt lá.

- Việc thả bọ đuôi kim ăn thịt *Euborellia annulipes* trên ruộng mía với mật độ 3.000 con/ha, thả 1 lần duy nhất vào thời điểm tháng 5 làm giảm 3,06 - 3,26% về cây bị hại; lóng bị hại giảm từ 1,57 - 2,52% và chỉ số hại giảm từ 0,17 - 0,32% so với đối chứng không thả bổ sung. Năng suất quy 10 CCS tăng 8,51 tấn/ha vượt tương ứng 8,41% so với công thức không thả bổ sung bọ đuôi kim.

4.2. Đề nghị

Cần khuyến cáo sử dụng các tác nhân sinh học hiệu quả như sử dụng bọ đuôi kim trong phòng chống sâu đục thân mía.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2010. QCVN 01-38:2010/BNNPTNT. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng. Ban hành theo Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10/12/2010, 53 trang.

Đỗ Ngọc Diệp, 2002. *Nghiên cứu sâu đục thân mía và biện pháp phòng trừ chúng ở miền Đông Nam bộ*. Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp. Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.

Cao Anh Dương, 2004. *Nghiên cứu một số loài thiên địch (côn trùng ký sinh, bắt mồi) và lợi dụng chúng trong phòng trừ tổng hợp sâu đục thân mía vùng Bến Cát, tỉnh Bình Dương và phụ cận*. Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp. Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.

Bleszynski S., 1970. A revision of the world species of *Chilo* Zincken (Lepidoptera: Pyralidae). *Bulletin of the British Museum (Natural History) Entomology*, London, 25, pp101-195.

David H. & Easwaramoorthy S., 1990. Biological control of *Chilo* spp. in sugarcane. *Insect Science and its Application*, 11, pp 733-748.

Miah MAH., Karim MA., Khuda AKMQE., Alam MZ & Islam MN., 1983. Control of sugarcane topshooter borer and stemborer. *Indian Journal of Agricultural Sciences*, 53, pp 590-592.

Suasa-ard W., 2000. *Chilo tumidicostalis* (Hampson) (Lepidoptera: Pyralidae) and its natural enemies in Thailand. *Proceedings of the IV Sugarcane Entomology Workshop*, ISSCT, Thailand, pp10-16.

Efficiency of earwigs against stemborer on sugarcane

Do Duc Hanh, Duong Cong Thong, Mai Van Quan, Trinh Xuan Hoat, Nguyen Van Liem, Do Van Tuong, Nguyen Thi Tan, Tran Van Son

Abstract

Study on efficiency of earwigs (*Euborellia annulipes*) for controlling borer (*Chilo tumidicostalis*) on sugarcane was carried out in the Sugarcane Research Institute and on experimental fields in Tay Ninh province during 12 months of 2017. The result showed that each earwig ate 11.05 one year old larva of borer *Chilo tumidicostalis* per day. Density of earwigs on sugarcane field varied from 3.6 - 18.9 reached earwigs/100 m² with an average of 10.6 earwigs/100 m².

Density of earwigs increased from January to March and then decreased and the lowest density was recorded in July, August and increased again in the last two months of the year. Secondary ratoon fields without leaves burning showed higher density of earwigs with 19.5 earwig/100m² in comparison with 5.3 and 6.9 earwig/100 m² in primary and secondary leaves burning fields. Under this treatment, *Chilo tumidicostalis* Borer harmful index was reduced from 0.17 to 0.32% and productivity was increased to 8.41% in comparison with control.

Keywords: Sugarcane, earwigs (*Euborellia annulipes* Lucas), stem borer (*Chilo tumidicostalis* Hamsonp)

Ngày nhận bài: 13/4/2019
Ngày phản biện: 20/4/2019

Người phản biện: TS. Nguyễn Thị Nhung
Ngày duyệt đăng: 15/5/2019

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA ĐẾN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, ĐỜI SỐNG VÀ VIỆC LÀM HỘ NÔNG DÂN TẠI THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

Trần Trọng Phương¹, Ngô Thanh Sơn¹, Nguyễn Đình Trung¹,
Phạm Bích Tuấn¹, Hoàng Hà²

TÓM TẮT

Ảnh hưởng của đô thị hoá trên địa bàn thị xã Từ Sơn đã làm thay đổi diện tích đất sản xuất nông nghiệp, tác động đến sinh kế của người nông dân có đất bị thu hồi. Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đến đời sống và việc làm hộ nông dân tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cho thấy, quá trình đô thị hóa làm giảm diện tích đất nông nghiệp làm cho sản lượng trong sản xuất nông nghiệp giảm mạnh. Diện tích nông nghiệp phường Tân Hồng trước năm 2011 là 9,11 ha, đến năm 2017 giảm xuống còn 6,44 ha. Diện tích đất nông nghiệp phường Đông Ngàn trước năm 2011 là 6,54 ha, đến năm 2017 là 4,22 ha. Diện tích đất nông nghiệp xã Phù Chấn trước năm 2011 là 13,24 ha, đến năm 2017 là 9,48 ha. Quá trình đô thị hóa đã góp phần giải quyết số lao động dư thừa, lao động nông nghiệp nhàn rỗi, giúp người dân cũng có nhiều lựa chọn ngành nghề phụ ngoài nghề nông nghiệp truyền thống (năm 2011, thu nhập 20,60 triệu đồng/người/năm, đến năm 2017 là 32,40 triệu đồng/người/năm).

Từ khóa: Đô thị hóa, thu hồi đất, sinh kế, thị xã Từ Sơn

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đô thị hoá là xu thế tất yếu của mọi quốc gia trên con đường phát triển. Những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, ở những mức độ khác nhau và với những sắc thái khác nhau, làn sóng đô thị hoá tiếp tục lan rộng như là một quá trình kinh tế xã hội toàn thế giới - quá trình mở rộng thành phố, tập trung dân cư, thay đổi các mối quan hệ phường xã; quá trình đẩy mạnh và đa dạng hoá những chức năng phi nông nghiệp, mở rộng giao dịch, phát triển lối sống và văn hoá đô thị.

Thị xã Từ Sơn là một thị xã đô thị loại 3 của tỉnh Bắc Ninh, có 12 đơn vị hành chính bao gồm: 07 phường (Đông Ngàn, Đông Kỵ, Trang Hạ, Đông Nguyên, Châu Khê, Tân Hồng, Đình Bảng) và 05 xã (Tam Sơn, Hương Mạc, Tương Giang, Phù Khê, Phù Chấn). Từ Sơn có các tuyến giao thông huyết mạch quan trọng như: Quốc lộ 1B và tỉnh lộ 295B (trước đây là Quốc lộ 1A cũ) và đường sắt nối liền

với thành phố Bắc Ninh và thủ đô Hà Nội. Việc đầu tư xây dựng, mở rộng nâng cấp tỉnh lộ 287 nối liền tỉnh lộ với QL38 và thông thương với sân bay quốc tế Nội Bài. Hệ thống các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ cùng với hệ thống các tuyến đường của thị xã hình thành nên mạng lưới giao thông rất thuận lợi, tạo cho thị xã có thế mạnh trong việc giao lưu kinh tế, văn hoá và tiêu thụ sản phẩm (UBND thị xã Từ Sơn, 2011).

Trong những năm qua trên địa bàn thị xã Từ Sơn đã và đang diễn ra quá trình đô thị hoá rất mạnh mẽ, nhiều khu công nghiệp mới, khu đô thị mới được xây dựng điều đó làm thay đổi đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương (UBND thị xã Từ Sơn, 2011). Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đến đời sống và việc làm hộ nông dân tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2011 - 2017 nhằm đề xuất một số giải pháp sử dụng đất hiệu quả sau quá trình đô thị hóa và nâng cao đời sống của hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu.

¹ Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

² Ủy ban nhân dân xã Phú Nham, huyện Phù Ninh, Phú Thọ